

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/10/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**
- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Danh Thị UN**, sinh ngày Z Địa chỉ: Tổ N, ấp V, xã B, tỉnh A.
2. **Bị đơn:** Anh **Trần Vũ L**, sinh ngày F Địa chỉ: Tổ N, ấp V, xã B, tỉnh A.
(Tại phiên tòa, chị UN có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2025 của chị Danh Thị UN, bản tự khai của các đương sự, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào năm 2012 và đã được UBND phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số II/2012.

Trong quá trình chung sống, chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L có ba người con chung là các cháu Trần Vũ Linh, sinh ngày 17/02/2012, Trần Linh Vũ, sinh ngày 09/7/2015, Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 10/11/2020; hiện nay Út Nhỏ đang trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu Linh, Vũ, Thư; không có tài sản chung; không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chị UN và anh L hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị UN và anh L đã ly thân hơn một năm nay.

* Chị Danh Thị UN yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị UN được ly hôn với anh Trần Vũ L.

- Về con chung: Cho chị UN được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Vũ Linh, Trần Linh Vũ, Trần Thị Anh Thư cho đến khi cháu Trần Vũ Linh, cháu Trần Linh Vũ, cháu Trần Thị Anh Thư tròn 18 tuổi; Chị UN không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị UN không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị UN không yêu cầu gì thêm.

* Anh Trần Vũ L đồng ý ly hôn với chị Danh Thị UN; đồng ý cho chị UN được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Vũ Linh, Trần Linh Vũ, Trần Thị Anh Thư cho đến khi cháu Trần Vũ Linh, cháu Trần Linh Vũ, cháu Trần Thị Anh Thư tròn 18 tuổi; anh L không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* *Tại phiên tòa*, chị Danh Thị UN vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Vào năm 2011, chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 18/9/2025, chị Danh Thị UN gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang yêu cầu được ly hôn với anh Trần Vũ L và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị UN và anh L. Anh Trần Vũ L có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã B, tỉnh A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Vũ L không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh

chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Trần Vũ L tại phiên tòa: Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXSTHNGĐ, ngày 14/10/2025 cho anh Liêm theo quy định của pháp luật, anh Liêm vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 26), được sự thống nhất của chị Danh Thị UN, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Vũ L theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị UN:

2.1. Về hôn nhân: Vào năm 2011, chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L đi đến hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào năm 2012 và đã được UBND phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (Nay là UBND phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số II/2012 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L là hôn nhân hợp pháp.

Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị UN yêu cầu được ly hôn với anh L. Tại bản tự khai, đơn yêu cầu không hòa giải, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 09/10/2025, anh L tự nguyện xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị UN không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn với chị UN, yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh L. Tại bản tự khai ngày 10/10/2025, ngoài các yêu cầu như đã khởi kiện, chị UN yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải giữa chị UN và anh L. Do đó, Tòa án không tiến hành hoà giải giữa chị UN và anh L theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án đã cố gắng động viên hòa giải đoàn tụ vợ chồng giữa chị UN với anh L nhưng không mang lại kết quả; Chị UN xác định là tình cảm của chị UN dành cho anh L không còn và chị UN vẫn yêu cầu được ly hôn với anh L. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L tự nguyện xác định anh, chị có ba người con chung là các cháu Trần Vũ Linh, sinh ngày 17/02/2012, Trần

Linh Vũ, sinh ngày 09/7/2015, Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 10/11/2020 đang do chị UN trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị UN và anh L ly thân cho đến nay.

Căn cứ vào các Điều 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nguyện vọng của các cháu Trần Vũ Linh, Trần Linh Vũ (BL 27, 28), ý kiến của anh L tại bản tự khai ngày 09/10/2025 và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định về tình cảm, tâm lý của các cháu Linh, Vũ, Thư, Tòa án chấp nhận cho chị Danh Thị UN được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Vũ Linh, Trần Linh Vũ, Trần Thị Anh Thư cho đến khi cháu Trần Vũ Linh, cháu Trần Linh Vũ, cháu Trần Thị Anh Thư tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi các cháu Trần Vũ Linh, Trần Linh Vũ, Trần Thị Anh Thư: Do chị Danh Thị UN không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.4. Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Danh Thị UN, anh Trần Vũ L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị UN.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Danh Thị UN phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Danh Thị UN phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Danh Thị UN đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002160, ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Danh Thị UN không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Vũ L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273,

278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 90, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiêu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Xử:

- 1- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Danh Thị UN và anh Trần Vũ L.
 - 2- Về con chung:
 - 2.1- Cho chị Danh Thị UN được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Vũ Linh, sinh ngày 17/02/2012, Trần Linh Vũ, sinh ngày 09/7/2015, Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 10/11/2020 cho đến khi cháu Trần Vũ Linh, cháu Trần Linh Vũ, cháu Trần Thị Anh Thư tròn 18 tuổi.
 - 2.2- Anh Trần Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.
 - 3- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Danh Thị UN không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
 - 4- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Danh Thị UN, anh Trần Vũ L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
 - 5- Về án phí:
 - 5.1- Chị Danh Thị UN phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Danh Thị UN phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Danh Thị UN đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002160, ngày 18/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Danh Thị UN không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
 - 5.2- Anh Trần Vũ L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
- 6- Về quyền kháng cáo: Chị Danh Thị UN có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (22/10/2025); anh Trần Vũ L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;

- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;

- THADS tỉnh An Giang (khi án có hpl);

- UBND phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang (khi án có hpl); - Các đương sự; -
Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hoàng Thị Thu Hương